

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHƯ SÊ  
TỈNH GIA LAI**  
Số: 53/2021/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Chư Sê, ngày 29 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI**

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 và Điều 86 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 191/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và nuôi con chung*” gồm:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Chị A N, sinh năm 19xx và anh Đinh Văn T, sinh năm 19xx; Địa chỉ: Làng P, xã B, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị A N và anh Đinh Văn T qua tìm hiểu đã tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai ngày 13/9/20xx. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng tôi có nhiều điều bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống giữa hai vợ chồng. Cuộc sống của vợ chồng không còn hạnh phúc, không ai quan tâm đến ai, vợ chồng không còn sống chung với nhau. Tại buổi hoà giải, chị A N và anh Đinh Văn T không đồng ý đoàn tụ gia đình, cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Chị A N và anh Đinh Văn T có 01 con chung là Đinh Thị Th, sinh ngày 19/6/20xx. Khi ly hôn, chị A N và anh Đinh Văn T thống nhất thỏa thuận giao con chung là cháu Đinh Thị Th cho bố là Đinh Văn T chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành.

[3]. Về chia tài sản chung và vay nợ: Chị A N và anh Đinh Văn T không yêu cầu giải quyết.

[4]. Về lệ phí: Chị A N và anh T tự nguyện chịu lệ phí 300.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**1.1. Về quan hệ hôn nhân:** Chị A N và anh Đinh Văn T thống nhất thuận tình ly hôn.

**1.2. Về con chung:**

Anh Đinh Văn T và chị A N thỏa thuận thống nhất giao cháu Đinh Thị Th, sinh ngày 19/6/20xx cho anh Đinh Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị A N không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con trong vụ án này.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

**1.3. Về lệ phí:** anh Đinh Văn T và chị A N tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí Tòa án là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí Tòa án đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0005119 ngày 16/12/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Anh Đinh Văn T và chị A N đã nộp đủ tiền lệ phí Tòa án.

**2. Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

**3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự (02 bản);
- VKSND huyện Chư Sê (02 bản);
- UBND xã B (01 bản);
- Lưu hồ sơ (01 bản).

**THẨM PHÁN**

(đã ký và đóng dấu)

**Vương Đức Phượng**